

Bản án số: **34/2024/HNGĐ – ST**

Ngày: 29/07/2024

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Trí Lý.

- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Xuân Trường và ông Y Nik Ê Ban

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Xuân Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaKar.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa:*

Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 29/07/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 485/2023/TLST – HNGĐ, ngày 15 tháng 12 năm 2023, về việc “*Ly hôn, chia tài sản chung*”; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2024/QĐXXST – HNGĐ, ngày 05/06/2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị H – sinh năm 1958. (có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố 05, TT. E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- **Người đại diện theo ủy quyền về phần tài của bà H:** Ông Lê B, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Tổ dân phố 05, TT. E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

* **Bị đơn:** Ông Trần C – sinh năm 1952. (có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố 05, TT. E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

* **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Trần Thị N, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tổ dân phố B, TT. E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt)

2. Bà Trần Thị H, sinh năm 1983. Địa chỉ: Buôn Y, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

3. Bà Trần Thị M, sinh năm 1987. Địa chỉ: Tổ dân phố 05, TT. E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông C về sống chung với nhau từ năm 1978, có đăng ký kết hôn ngày 19/05/1978 tại xã H, huyện N, tỉnh Hà Nam trên cơ sở tình yêu tự nguyện. Đến năm 1992 vợ chồng chuyển vào huyện K sinh sống cho đến nay. Sau khi về sống chung, cuộc sống chung của hai vợ chồng thường hay xảy ra mâu thuẫn, chồng tôi ông C không có trách nhiệm gia đình, không lo cho vợ con, chỉ lo cho cuộc sống riêng của chính bản thân ông C. Giữa hai vợ chồng thường hay cãi nhau, đánh đập lẫn nhau thường xuyên, tình trạng hôn nhân đã kéo dài, không có hạnh phúc, cứ kéo dài cũng không mang lại kết quả gì tốt đẹp. Vợ chồng chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 07/2023 cho đến nay. Xét tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc không đạt được nên nguyện vọng của tôi xin được ly hôn với ông C.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung, vợ chồng chúng tôi có 03 con chung Trần Thị N, sinh năm 1980, Trần Thị H, sinh năm 1983 và Trần Thị M, sinh năm 1987. Hiện nay, các con chung đã trên 18 tuổi, nên việc ở với ai là quyền của các con.

- Về tài sản chung, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê B trình bày: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng ông C, bà H có các tài sản chung gồm: 01 lô đất diện tích 369,3m² (trong đó có 50m² đất ở), thuộc thửa đất số 137, tờ bản đồ số 124, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 240140, tọa lạc tại Tổ dân phố 5, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 01/03/2021. Tài sản này có nguồn gốc từ việc hai vợ chồng từ quê vào K sinh sống bỏ tiền nhận chuyển nhượng từ hộ gia đình ông H từ năm 1992.

Tài sản chung trên đất yêu cầu tòa phân chia: có 01 nhà cấp 04, cùng công trình phụ tổng diện tích 78,55m², được xây dựng năm 2014; 01 mái hiên bằng sắt tổng diện tích 51m²; 01 tường rào dài 3m; 01 giếng đào đường kính 1,3m sâu 12m; 25 cây chuối; 02 cây nhàu; 02 cây phát tài; 01 cây đinh lăng; 01 bộ bàn ghế gỗ trắc + hương (gồm 01 bàn, 01 ghế dài và 03 ghế ngắn); 01 tủ gỗ hương; 01 tủ lạnh hiệu Sharp; 01 bồn nước Inox + chân đến trụ sắt.

Đối với 01 tủ lạnh hiệu Sam Sung, 01 xe mô tô Wave BKS 47F1-625.26; 01 ti vi sam sung 32in do ông C mới mua sau khi vợ chồng ly thân nên là tài sản của ông C không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, vợ chồng ông C bà H có các tài sản chung là đồ dùng trong nhà, thời điểm khởi kiện có yêu cầu tòa chia, nhưng hiện nay tôi xin rút lại không yêu cầu tòa phân chia gồm: 01 tủ nhôm kính bán hàng mua năm 2015; 01 tủ gỗ bán hàng; 01 xe đạp; 01 bếp ga; 01 bình ga; 01 nồi cơm điện; 01 cân đồng hồ; 01 chậu nhựa lon; 03 thau nhôm lớn; 03 quạt treo tường; 01 tủ bát chén; 02 khung màn 1,6m; 01 đèn xạc điện; 01 cây phơi đồ.

Đối với khối tài sản chung có yêu cầu tòa phân chia từ thời điểm sống ly thân cho đến nay ông C đang là người quản lý, sử dụng, nên bà H có nguyện vọng được lấy giá trị của tài sản bằng tiền, còn giao toàn bộ khối tài sản chung gồm đất, nhà, và các tài sản khác cho ông C. Do bà H có công sức đóng góp nhiều hơn, hiện nay đang bị bệnh không có khả năng lao động, nên đề có tiền mưu sinh đề nghị tòa phân chia cho bà H được hưởng 2/3 giá trị tài sản chung.

Về chi phí tố tụng: Đề nghị tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Bị đơn ông Trần C trình bày:** Tôi xác định vợ tôi bà H trình bày là hoàn toàn đúng sự thật, chúng tôi về sống chung với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định như lời trình bày của bà H là đúng. Về việc mâu thuẫn giữa hai vợ chồng như lời bà H trình bày là không đúng, do vợ chồng tất nhiên gia đình nào cũng có sự mâu thuẫn, vấn đề của vợ chồng chúng tôi là có mâu thuẫn nhưng không thể giải quyết được, hai bên bất đồng quan điểm nên xảy ra tình trạng cự cãi lẫn nhau, không đánh đập lẫn nhau như bà H trình bày. Tôi xác định việc bà H cho rằng vợ chồng sống ly thân từ 2015 là không đúng, tôi xác định vợ chồng chúng tôi sống ly thân từ khoảng năm 2018 cho đến nay. Nay bà H có nguyện vọng xin ly hôn, tôi cũng đồng ý ly hôn với bà H.

- Về con chung: Trong thời gian sống chung vợ chồng có 03 con chung, cháu tên Trần Thị N, sinh 1980; Trần Thị H, sinh năm 1983 và Trần Thị M, sinh năm 1987. Hiện nay các con chung đã trên 18 tuổi, đã lập gia đình ra ở riêng từ lâu nên không giải quyết.

- Về tài sản chung: Tôi xác định đồng ý với lời trình bày của bà H về khối tài sản chung của vợ chồng chúng tôi gồm: 01 lô đất diện tích 369,3m² (trong đó có 50m²) đất ở, thuộc thửa đất số 137, tờ bản đồ số 124, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 240140, tọa lạc tại Tổ dân phố 5, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 01/03/2021. Tài sản này có nguồn gốc từ việc hai vợ chồng từ quê vào K sinh sống bỏ tiền nhận chuyển nhượng từ hộ gia đình ông H từ năm 1992. Tài sản chung trên đất tôi yêu cầu tòa phân chia: có 01 nhà cấp 04, cùng công trình phụ tổng diện tích 78,55m², được xây dựng năm 2014; 01 mái hiên bằng sắt tổng diện tích 51m²; 01 tường rào dài 3m; 01 giếng đào đường

kính 1,3m sâu 12m; 25 cây chuối; 02 cây nhàu; 02 cây phát tài; 01 cây đinh lăng; 01 bộ bàn ghế gỗ trắc + hương (gồm 01 bàn, 01 ghế dài và 03 ghế ngắn); 01 tủ gỗ hương; 01 tủ lạnh hiệu Sharp; 01 bồn nước Inox + chân đế trụ sắt.

Đối với 01 xe mô tô Wave BKS 47F1-625.26 tôi mua năm 2021, 01 ti vi sam sung 32in tôi tự bỏ tiền mua khoảng năm 2020, 01 tủ lạnh hiệu Sam Sung. Tôi xác định đây là các tài sản riêng của tôi bỏ tiền ra mua sau khi hai vợ chồng đã sống ly thân, nên không đồng ý phân chia.

Đối với khối tài sản chung, từ thời điểm sống ly thân tôi là người quản lý, sử dụng. Nguyên vọng, về phân chia tài sản chung là do tôi có thu nhập thấp, không đủ điều kiện để nhận khối tài sản chung tôi đề nghị phân chia theo quy định, xin giao toàn bộ khối tài sản chung của hai vợ chồng cho bà H và yêu cầu bà H trả lại tôi theo giá trị bằng tiền.

*** Tại phiên tòa bà Trần Thị N trình bày:** Đối với khối tài sản chung hiện nay đang tranh chấp trong vụ án là tài sản của bố mẹ tôi, tôi không có công sức đóng góp vào khối tài sản chung của bố mẹ, nên trong vụ án tôi không có yêu cầu gì.

*** Quá trình làm việc tại tòa án, bà Trần Thị H trình bày:** Về phần tài sản là lô đất diện tích 369,3m² (trong đó có 50m²) đất ở), thuộc thửa đất số 137, tờ bản đồ số 124, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 240140, tọa lạc tại Tổ dân phố 5, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 01/03/2021, cùng các tài sản trên đất hiện nay đang yêu cầu phân chia trong vụ án, tôi xác định đây là tài sản chung của bố mẹ ông C bà H, bản thân tôi không có công sức đóng góp gì trong khối tài sản chung của bố mẹ. Do đó, tôi không có yêu cầu gì trong vụ án.

Quá trình xét xử, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar thông báo để bà Trần Thị M tham gia tố tụng, nhưng vắng mặt, nên không ghi nhận được ý kiến của bà M. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà M.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã ban hành các quyết định, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33, Điều 59 Luật hôn nhân gia đình; điểm b Khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trần C và bà Trần H.

- Về con chung: Các con hiện đã trên 18 tuổi nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung: Giao toàn bộ khối tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân cho ông Trần C, đồng thời buộc ông C có trách nhiệm trả lại ½ giá trị trong khối tài sản chung cho bà Trần H.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Trần H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện EaKar giải quyết việc “ly hôn, phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân”, đơn khởi kiện của bà H được Tòa án nhân dân huyện Ea Kar thụ lý, giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Quá trình giải quyết vụ án cho đến tại phiên tòa các bên thừa nhận tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân đã không còn tồn tại trên thực tế, nên cùng đồng ý xin được giải quyết cho ly hôn. Xét thấy, nguyện vọng của các bên là phù hợp với quy định của pháp luật, nên cần công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trần H và ông Trần C.

- Về con chung: Các con chung đã trên 18 tuổi nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông C, bà H có tạo lập được khối tài sản chung: 01 lô đất diện tích 369,3m² (trong đó có 50m² đất ở), thuộc thửa đất số 137, tờ bản đồ số 124, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 240140, tọa lạc tại Tổ dân phố 5, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 01/03/2021. Tài sản này có nguồn gốc từ việc hai vợ chồng từ quê vào K sinh sống bỏ tiền nhận chuyển nhượng từ hộ gia đình ông H từ năm 1992.

Tài sản chung trên đất: 01 nhà cấp 04, cùng công trình phụ tổng diện tích 78,55m², được xây dựng năm 2014; 01 mái hiên bằng sắt tổng diện tích 51m²; 01 tường rào dài 3m; 01 giếng đào đường kính 1,3m sâu 12m; 25 cây chuối; 02 cây nhàu; 02 cây phát tài; 01 cây đình lãng; 01 bộ bàn ghế gỗ trắc + hương (gồm 01 bàn, 01 ghế dài và 03 ghế ngắn); 01 tủ gỗ hương; 01 tủ lạnh hiệu Sharp; 01 bồn nước Inox + chân đến trụ sắt. Tổng giá trị tài sản trên có giá: 3.868.963.029 đồng. Xét thấy, toàn bộ khối tài sản chung nêu trên có được là do công sức đóng góp ngang nhau của hai vợ chồng cùng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân,

vì vậy cần chia cho mỗi người được hưởng 1/2 giá trị của tài sản, nên đối với yêu cầu xin được hưởng 2/3 giá trị tài sản chung của bà H là không có căn cứ, nên không chấp nhận.

- Xét, sau khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay toàn bộ khối tài sản chung do ông Trần C quản lý, sử dụng. Do đó, tiếp tục giao toàn bộ khối tài sản trên cho ông Trần C, đồng thời buộc ông Trần C có trách nhiệm trả lại 1/2 giá trị tài sản chung cho bà Trần H, cụ thể:

Ông Trần C được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích 369,3m² (trong đó có 50m² đất ở), thuộc thửa đất số 137, tờ bản đồ số 124, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 240140, tọa lạc tại Tổ dân phố 5, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 01/03/2021. Ngoài ra, ông Trần C được quyền sở hữu các tài sản, gồm: 01 nhà cấp 04, cùng công trình phụ tổng diện tích 78,55m², được xây dựng năm 2014; 01 mái hiên bằng sắt tổng diện tích 51m²; 01 tường rào dài 3m; 01 giếng đào đường kính 1,3m sâu 12m; 25 cây chuối; 02 cây nhàu; 02 cây phát tài; 01 cây đinh lăng; 01 bộ bàn ghế gỗ trác + hương (gồm 01 bàn, 01 ghế dài và 03 ghế ngắn); 01 tủ gỗ hương; 01 tủ lạnh hiệu Sharp; 01 bồn nước Inox + chân đến trụ sắt. Tổng giá trị tài sản trên có giá: 3.868.963.029 đồng.

Ông Trần C có trách nhiệm trả cho bà Trần H 1/2 giá trị tài sản chung là 1.934.481.514 đồng.

Đối với 01 xe mô tô Wave BKS 47F1-625.26, 01 tủ lạnh hiệu Sam Sung; 01 ti vi sam sung 32in do ông C mới mua sau khi vợ chồng sống ly thân, các bên thừa nhận là tài sản riêng của ông C không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, trong thời kỳ hôn nhân còn có các tài sản chung: 01 tủ nhôm kính bán hàng mua năm 2015; 01 tủ gỗ bán hàng; 01 xe đạp; 01 bếp ga; 01 bình ga; 01 nồi cơm điện; 01 cân đồng hồ; 01 chậu nhựa lon; 03 thau nhôm lớn; 03 quạt treo tường; 01 tủ bát chén; 02 khung màn 1,6m; 01 đèn xạc điện; 01 cây phơi đồ. Thời điểm khởi kiện bà H có yêu cầu phân chia, nhưng xét thấy đây là các tài sản không giá trị, nên xin rút lại yêu cầu khởi kiện. Do đó, đình chỉ đối với yêu cầu phân chia các tài sản chung nêu trên.

- Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bà Trần H đã nộp tạm ứng cho việc thẩm định, định giá tài sản 2.200.000 đồng. Do đó, cần yêu cầu ông Trần C có trách nhiệm trả lại cho bà Trần H 1/2 chi phí tố tụng, tương đương số tiền 1.100.000 đồng.

[3] Về án phí: Các đương sự thuộc trường hợp được miễn án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 59 Luật hôn nhân gia đình;

Điểm đ Khoản 1 Điều 12, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II (Danh mục án phí) Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần H.

Đình chỉ nội dung yêu cầu phân chia tài sản chung của bà Trần H đối với các tài sản gồm: 01 tủ nhôm kính bán hàng mua năm 2015; 01 tủ gỗ bán hàng; 01 xe đạp; 01 bếp ga; 01 bình ga; 01 nồi cơm điện; 01 cân đồng hồ; 01 chậu nhựa lớn; 03 thau nhôm lớn; 03 quạt treo tường; 01 tủ bát chén; 02 khung màn 1,6m; 01 đèn sạc điện; 01 cây phơi đồ.

1. Về hôn nhân: Bà Trần H và ông Trần C thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Các con chung đã trên 18 tuổi nên không đề cập giải quyết.

3. Về tài sản chung: Ông Trần C được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích 369,3m² (trong đó có 50m² đất ở), thuộc thửa đất số 137, tờ bản đồ số 124, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CY 240140, tọa lạc tại Tổ dân phố 5, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 01/03/2021. Ngoài ra, ông Trần C được quyền sở hữu các tài sản, gồm: 01 nhà cấp 04, cùng công trình phụ tổng diện tích 78,55m², được xây dựng năm 2014; 01 mái hiên bằng sắt tổng diện tích 51m²; 01 tường rào dài 3m; 01 giếng đào đường kính 1,3m sâu 12m; 25 cây chuối; 02 cây nhàu; 02 cây phát tài; 01 cây đinh lăng; 01 bộ bàn ghế gỗ trắc + hương (gồm 01 bàn, 01 ghế dài và 03 ghế ngắn); 01 tủ gỗ hương; 01 tủ lạnh hiệu Sharp; 01 bồn nước Inox + chân đến trụ sắt.

Ông Trần C có trách nhiệm trả cho bà Trần H ½ giá trị tài sản chung là 1.934.481.514 đồng (một tỷ, chín trăm ba mươi bốn triệu, bốn trăm tám mươi một nghìn, năm trăm mười bốn đồng).

Ông Trần C có trách nhiệm liên hệ đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký biến động quyền sử dụng đất sang đứng tên ông Trần C.

Bà Trần H có trách nhiệm trả lại cho ông Trần C 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bản chính CY 240140, thuộc thửa đất số 137, tờ bản đồ số 124, được Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 01/03/2021.

- Về chi phí tố tụng: Ông Trần C có trách nhiệm trả lại cho bà Trần H 1.100.000 đồng chi phí tố tụng.

- Về án phí: Ông Trần C, bà Trần H là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn án phí dân sự sơ thẩm nên không đề cập giải quyết.

[5]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Trí Lý